

Bản án số: 1456/2020/HC-ST

Ngày: 11- 9 - 2020

“V/v Khiếu kiện quyết
định hành chính trong lĩnh vực
bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và
tái định cư.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhung
2. Bà Trần Thị Bích Vân

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên

Trong các ngày 13 tháng 8 năm 2020, ngày 11 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2019/TLST-HC ngày 15 tháng 11 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4000/2020/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: Số 113 H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn M: Luật sư Bùi Trường C- Văn Phòng Luật sư T (có mặt).

Địa chỉ: Số 3A69/1, T, đường P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số 349 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H – Phó Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Đoàn Thái T – Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B (có mặt). Địa chỉ: Số 349 đường T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 1998, ông Nguyễn Văn M có nhận thuê khoán của Nông trường Láng Le diện tích đất là 215.000 m² (21,5 ha) thuộc ấp 3, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc một phần thửa số 08, tờ bản đồ số 6, theo Tài liệu bản đồ đo mới (tương ứng một phần thửa số 249, tờ bản đồ số 01, theo Tài liệu chỉnh lý năm 1992); một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 07, theo Tài liệu bản đồ đo mới (tương ứng trọn thửa số 250, một phần thửa 251, tờ bản đồ số 01, theo Tài liệu chỉnh lý năm 1992) Bộ địa chính xã L, huyện B, trong Dự án Trồng rừng phòng hộ, ấp 3, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2004, ông M ký lại hợp đồng thuê khoán cụ thể là hợp đồng thuê khoán số 154-04/HĐKD và số 155-04/HĐKD ngày 08/3/2004.

Năm 2010, phần đất này bị thu hồi theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao đất Nông trường Láng Le huyện B sau khi giải thể cho Chi cục Lâm nghiệp để thực hiện quản lý theo quy chế rừng phòng hộ môi trường.

Ngày 05/8/2013, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đã lập biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng của ông Nguyễn Văn M trong Dự án xác định phần cây trồng, hoa màu trên đất là cây keo với các loại như sau:

- 105.800 cây keo kích thước từ 10cm<ø<20cm;
- 45.000 cây keo kích thước từ 05cm<ø<10cm;
- 93.357 cây keo kích thước ø<05cm;

Ngày 27/11/2017, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 13625/QĐ-UBND về duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án trồng rừng phòng hộ ấp 3, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28/5/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND, kèm theo Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 28/PCT-BBT ngày 10/5/2018.

Ngày 13/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND, kèm theo Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 43/PCT-BBT ngày 04/7/2018.

Ngày 26/3/2019, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung chi phí đầu tư còn lại vào đất số 2722/QĐ-UBND.

Biên bản kiểm kê lập ngày 05/8/2013 mà đến năm 2018 mới bồi thường cho ông M. Cây trồng qua 05 năm thì đường kính đã thay đổi và ông M đã tốn thêm chi phí bảo vệ, giữ gìn và chăm sóc trong 05 năm qua. Ủy ban nhân dân huyện B

không tiến hành kiểm kê lại mà căn cứ vào biên bản kiểm kê năm 2013 để bồi thường cho ông M làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M.

Hơn nữa, ông M cho biết cây trồng tại đất bị thu hồi là cây trà bông vàng nên phải bồi thường cho ông theo đơn giá của cây trà bông vàng.

Nay ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/02/2020 và ngày 17/02/2020, ông M bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

-Yêu cầu hủy 02 quyết định như sau: Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần cây trồng, hoa màu theo quy định của pháp luật.

-Kiểm kê lại quy cách cây trồng theo đúng hiện trạng trước khi bồi thường.

-Được thu hoạch cây trồng trên đất vì các quyết định hành chính về bồi thường không có quy định là không cho người dân thu hoạch.

Ngày 30/7/2020, ông Nguyễn Văn M có bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

-Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 đối với phần nội dung là thu hồi và bán đấu giá cây trồng đã bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân nhận thuê khoán của Nông trường Láng Le. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M đã rút lại yêu cầu này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M sửa đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu và hủy toàn bộ Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018, buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần cây trồng, hoa màu theo quy định của pháp luật. Các yêu cầu khác vẫn giữ nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, là luật sư Bùi Trường Chinh trình bày quan điểm như sau:

1. Về loại cây trồng:

Mặc dù Tờ trình số 39994/TTr-BBT ngày 19/5/2017, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B đã kiến nghị kiểm kê lại hiện trạng theo ý kiến của các hộ dân vì số liệu kiểm kê đã 03 năm nhưng tại Biên bản họp Hội đồng bồi thường ngày 20/7/2017, Hội đồng bồi thường quyết định không tiến hành kiểm kê lại hiện trạng mà sử dụng kết quả kiểm kê năm 2013 để triển khai công tác bồi thường. Hành vi này dẫn đến việc ban hành quyết định bồi thường không chính xác, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M. Thời gian 05 năm thì cây trồng đã phát triển

về đường kính, thời kỳ tăng trưởng...Việc bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện B đối với ông Nguyễn Văn M không đúng với nguyên tắc : *“Khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai , kịp thời và đúng quy định của pháp luật”* căn cứ vào Điều 74 Luật đất đai năm 2013.

Hơn nữa, tại Công văn số 11996/SNN-CCKL ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì Tràm bông vàng là một loại trong ba loại của tên gọi chung ‘Keo các loại’, gồm có Keo lá tràm, Keo tai tượng và Keo lai. Tràm bông vàng (Keo lá tràm) tương ứng với Mục 3 (Tràm bông) Phần VII Cây Lâm nghiệp tại Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn Thành phố ban hành theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành có nội dung: *...Cây trồng của ông Nguyễn Văn M đa số là keo lai, có xen kẽ một ít keo lá tràm và keo tai tượng.* Vì lẽ đó, biên bản kiểm kê lập ngày 05/8/2013 của Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện B đã xác định toàn bộ là cây keo là không chính xác, làm ảnh hưởng quyền lợi của ông M khi bồi thường.

2. Về biểu giá cây trồng, hoa màu:

Tại Phiếu chiết tính chi phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại số 25/PCT-BBT ngày 10/5/2018 thì cây keo loại $10\text{cm} < \varnothing < 20\text{cm}$ có đơn giá là 40.000 đồng. Theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có đơn giá là 20.000 đồng - 60.000 đồng. Không biết Ủy ban nhân dân huyện B dựa vào căn cứ nào để tính 40.000 đồng, mà không tính 60.000 đồng cho ông M.

Đối với các loại cây có đường kính $\varnothing < 5\text{cm}$ và loại cây có đường kính $5\text{cm} < \varnothing < 10\text{cm}$ không có quy định đơn giá tại Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 thì Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B căn cứ vào Công văn số 1459/SNN-KL ngày 05/6/2018 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tính. Việc tính toán như thế này không thỏa đáng cho ông M, cụ thể như sau:

-Tại Phiếu chiết tính chi phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại số 43/PCT-BBT ngày 04/7/2018 thì cây keo loại $\varnothing < 5\text{cm}$ có đơn giá là 17.000 đồng (Công văn số 1459/SNN-KL ngày 05/6/2018 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn). Công văn số 1459/SNN-KL dẫn chiếu áp dụng Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông. Tuy nhiên, khi đối chiếu với Biểu 1 : Tính đơn giá cho loại cây Bạch đàn và Tràm bông vàng tại Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 thì Tràm bông vàng loại $\varnothing < 3\text{cm}$ thấp nhất có đơn giá là 17.777 đồng. Vậy Ban bồi thường đã tính cây keo của ông M loại $\varnothing < 5\text{cm}$ với giá 17.000 đồng (được áp đặt tại Công văn số 1459/SNN-KL ngày

05/6/2018 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn) là còn thấp hơn cây keo $\varnothing < 3\text{cm}$ theo Biểu 1 làm thiệt hại đến quyền lợi của ông M.

-Tại Phiếu chiết tính chi phí bồi thường hỗ trợ thiệt hại số 43/PCT-BBT ngày 04/7/2018 thì cây keo loại $5\text{cm} < \varnothing < 10\text{cm}$ có đơn giá là 39.970 đồng. Đơn giá 39.970 đồng chiếu theo Biểu 1: Tính đơn giá cho loại cây Bạch đàn và Tràm bông vàng tại Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 (theo chỉ dẫn của Công văn số 1459/SNN-KL ngày 05/6/2018) tương đương là $\varnothing < 8\text{cm}$. Vậy thì cây keo loại $5\text{cm} < \varnothing < 10\text{cm}$ được áp dụng thành thì cây keo loại $\varnothing < 8\text{cm}$ đã làm thiệt hại cho quyền lợi của ông M.

3. Về thu hoạch cây trồng, hoa màu:

Ông M đã bỏ nhiều tâm huyết và công sức vào phần đất này trong 20 năm từ 1998 đến 2018 gồm chi phí như sau: chi phí cho việc đào mương, san tạo, nâng cao mặt bằng, chi phí cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, chống xói mòn, xâm thực, làm đường giao thông, đào mương, đặt cống để tiêu thoát nước...

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 8 quy định về quyền và nghĩa vụ của bên nhận thuê khoán theo hợp đồng thuê khoán đã ký căn cứ vào Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 quy định: ...g) Trả lại đất khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật.

Theo Mục III Kế hoạch số 699/KH-HĐBT ngày 19/9/2017 về kế hoạch thực hiện công tác thực hiện giải phóng mặt bằng về trách nhiệm của Ban Bồi thường, phần gạch đầu dòng thứ 5 có nội dung: “Tổ chức chi tiền bồi thường , hỗ trợ thiệt hại cho hộ dân và bàn giao mặt bằng trống cho chủ đầu tư.”

Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án trồng rừng phòng hộ áp 3, xã L, huyện B và các Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018, Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 và Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 16/3/2019 của Ủy ban nhân dân huyện B đều không có quy định nội dung là ông M không được thu hoạch cây trồng trên đất trước khi bàn giao mặt bằng. Khi ông M khởi kiện yêu cầu được thu hoạch cây trồng thì Ủy ban nhân dân huyện B cung cấp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 của Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố có nội dung tại mục 2 như sau: Đối với Công văn số 165/BCĐBT ngày 30/9/2019 về thu hồi và bán đấu giá cây trồng đã bồi thường của các hộ dân nhận thuê khoán đất Nông trường Láng le – Dự án trồng rừng phòng hộ áp 3, xã L, huyện B là giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp nhận số cây trên và thực hiện bán đấu giá toàn bộ số cây trên, cân đối để lập dự án trồng rừng phòng hộ từ số tiền thu được sau khi bán đấu giá.

Việc các cơ quan nhà nước ban hành các văn bản nội bộ như Công văn số 165/BCĐBT ngày 30/9/2019, Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông M. Mặc dù ông M đã rút lại yêu

cầu khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 nhưng ông M vẫn yêu cầu giải quyết trong vụ án này là được thu hoạch cây trồng trên đất vì các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện B không có đề cập vấn đề này.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

1. Nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn M

Khởi kiện, yêu cầu hủy Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13 tháng 07 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện B và tính bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn M theo đúng quy định.

2. Cơ sở để Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cây trồng cho ông Nguyễn Văn M theo Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018.

2.1. Nguồn gốc quá trình sử dụng đất.

Phần đất của ông Nguyễn Văn M nhận thuê khoán của Nông trường Láng Le thuộc một phần thửa số 08, tờ bản đồ số 06, theo Tài liệu bản đồ đo mới (tương ứng một phần thửa số 249, tờ bản đồ số 01, theo Tài liệu chỉnh lý năm 1992); một phần thửa số 06, tờ bản đồ số 07, theo Tài liệu bản đồ đo mới (tương ứng trọn thửa số 250, một phần thửa 251 tờ bản đồ số 01, theo Tài liệu chỉnh lý năm 1992).

Tổng diện tích đất nhận thuê khoán của ông Nguyễn Văn An bị ảnh hưởng trong dự án là 215.000m² (21,5 ha) gồm 2 hợp đồng thuê khoán:

- Hợp đồng thuê khoán đất sản xuất số 154-04/HĐKD ngày 08 tháng 03 năm 2004 diện tích 105.000 m².
- Hợp đồng thuê khoán đất sản xuất số 155-05/HĐKD ngày 08 tháng 03 năm 2004 diện tích 110.000 m².

Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án của ông Nguyễn Văn M kê khai ngày 8 tháng 8 năm 2013 và được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận và xác nhận của Ban Thanh lý Nông trường Láng Le được Ủy ban nhân dân xã L xác nhận về trường hợp của ông Nguyễn Văn M cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 154-04/HĐKD ngày 08 tháng 03 năm 2004 diện tích 105.000 m² và hợp đồng thuê khoán đất sản xuất số 155-05/HĐKD ngày 08 tháng 03 năm 2004 diện tích 110.000 m².
- Là dân ngoài nông trường.
- Mục đích sử dụng: Trồng rừng
- Đang trực tiếp canh tác thửa đất
- Nợ thuế (theo tổng 2 hợp đồng thuê khoán): 426.775.000 đồng.

2.2. Cơ sở pháp lý để bồi thường, hỗ trợ thiệt hại.

Căn cứ theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất Nông trường Láng Le, huyện B sau khi giải thể cho Chi cục lâm nghiệp thực hiện quản lý theo quy chế rừng phòng hộ môi trường và Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh diện tích đất giao tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010.

Căn cứ Phương án bồi thường, hỗ trợ số 920/PA-HĐBT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng bồi thường GPMB Dự án trồng rừng phòng hộ tại ấp 3, xã L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt tại Quyết định số 13625/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Công văn số 239/HĐTĐBT ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố về hướng dẫn xác định diện tích để tính bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất đối với các hộ dân nhận giao khoán đất của Nông trường Láng Le theo Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Biểu giá cây trồng hoa màu trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Công văn số 1459/SNN-KL ngày 5 tháng 6 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về xác định giá trị cây keo đối với hộ dân thuê khoán của Nông trường Láng Le và Bảng biểu giá đính kèm;

2.3. Việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại và cây trồng số 5141/QĐ-UBND, kèm Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 28/PCT-BBT ngày 10 tháng 05 năm 2018 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện, với mức bồi thường, hỗ trợ cây trồng là 4.232.000.000 đồng. (Bốn tỷ, hai trăm ba mươi hai triệu đồng).

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường hỗ trợ cây trồng số 6413/QĐ-UBND, kèm Phiếu chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại số 43/PCT-BBT ngày 4 tháng 7 năm 2018 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng Huyện, với mức bồi thường, hỗ trợ cây trồng là 3.385.719.000 đồng. (Ba tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng).

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây trồng là: 7.617.719.000 (Bảy tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng)

3. Việc không bồi thường, hỗ trợ đối với cây keo lai do ông Nguyễn Văn M đang canh tác.

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản của người có tài sản gắn liền với đất do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng lập ngày 05 tháng 08 năm 2013 về kiểm kê hiện trạng sử dụng đất phần đất bị ảnh hưởng trong dự án và được ông Nguyễn Văn M ký xác nhận thì hiện trạng canh tác của ông M là trồng cây keo với số lượng cây trồng được kiểm tra và ghi nhận cụ thể như sau:

- 105.800 cây keo kích thước từ $10\text{cm} < \varnothing < 20\text{cm}$;
- 45.000 cây keo kích thước từ $05\text{cm} < \varnothing < 10\text{cm}$;
- 93.357 cây keo kích thước $\varnothing < 05\text{cm}$;

Căn cứ Phương án số 920/PA-HĐBT ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Trồng rừng phòng hộ, ấp 3, xã L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 13625/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017.

Căn cứ Quyết định 02/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Biểu giá cây trồng hoa màu trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Công văn số 1459/SNN-KL ngày 5 tháng 6 năm 2018 của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về xác định giá trị cây keo đối với hộ dân thuê khoán của Nông trường Láng Le và Bảng biểu giá đính kèm;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Bồi thường Dự án Trồng rừng phòng hộ, ấp 3, xã L, huyện B, ngày 20 tháng 7 năm 2017 về thông qua dự thảo Phương án bồi thường, hỗ trợ thống nhất ý kiến:

“ - Thống nhất hạn mức để hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân là 15ha.

- Thống nhất thông qua Phương án bồi thường của dự án theo đề xuất của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Tờ trình số 3994/TTr-BBT ngày 19/5/2017

- Không tiến hành kiểm kê lại hiện trạng theo đề nghị của hộ dân. Sử dụng kết quả kiểm kê trước đây để triển khai công tác bồi thường...”

Trên cơ sở kết quả kiểm đếm cây trồng được ghi nhận trong Biên bản kiểm kê hiện trạng và các hồ sơ pháp lý được Ban Thanh lý Nông trường Láng Le và Ủy ban nhân dân xã L xác nhận, Ban Bồi thường tiến hành lập hồ sơ bồi thường và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ cây trồng cho ông Nguyễn Văn M.

Căn cứ Khoản 2, Điều 24, Chương III, Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2015 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có quy định :

“ Điều 24. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất (Thực hiện theo Điều 92, Luật đất đai năm 2013).

...

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có Thông báo thu hồi đất của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.”

Dự án Trồng rừng phòng hộ, ấp 3, xã L, huyện B đã được Ủy ban nhân dân Thành phố thu hồi, giao đất theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao đất Nông trường Láng Le, huyện B sau khi giải thể cho Chi cục lâm nghiệp thực hiện quản lý theo quy chế rừng phòng hộ môi trường và Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh diện tích đất giao tại Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2010.

Ngày 31 tháng 7 năm 2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L, các đơn vị liên quan tổ chức họp dân và công khai các Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện dự án và thông báo cho các hộ dân thời gian kiểm kê hiện trạng dự án.

Ngày 05 tháng 08 năm 2013, Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp Ủy ban nhân dân xã L tiến hành về kiểm kê và ghi nhận hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với phần đất ông Nguyễn Văn M nhận thuê, khoán của Nông trường Láng Le để sản xuất. Theo nội dung biên bản kiểm kê hiện trạng được Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân xã L, ông Nguyễn

Văn M ký xác nhận hiện trạng canh tác của ông M với số lượng và kích thước đầy đủ, chính xác.

Căn cứ theo Mục 9 Phần VII Bảng Biểu giá cây trồng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quy định:...Mù u, trâm mốc, keo, sần đầu 10cm<ø<20cm có đơn giá là 20.000 đồng đến 60.000 đồng /cây, còn ø bằng 20cm hoặc ø > 20cm thì có đơn giá là 50.000 đồng đến 60.000 đồng/cây.

Căn cứ vào các quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và đơn giá bồi thường hỗ trợ về cây trồng, Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ cây keo cho ông Nguyễn Văn M là đúng theo quy định pháp luật.

4. Về việc yêu cầu được khai thác cây trồng:

Căn cứ Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 của Ban Chỉ đạo Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Thành phố về nội dung kết luận tại cuộc họp ngày 09/12/2019 có nội dung tại mục 2 như sau: Đối với Công văn số 165/BCĐBT ngày 30/9/2019 về thu hồi và bán đấu giá cây trồng đã bồi thường của các hộ dân nhận thuê khoán đất Nông trường Láng le – Dự án trồng rừng phòng hộ áp 3, xã L, huyện B là giao Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tiếp nhận số cây trên và thực hiện bán đấu giá toàn bộ số cây trên, cân đối để lập dự án trồng rừng phòng hộ từ số tiền thu được sau khi bán đấu giá.

Theo nội dung chỉ đạo của Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư Thành phố thì yêu cầu của ông M xin được thu hoạch cây trồng trên đất là không có cơ sở.

5. Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện B.

Từ những cơ sở trên, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 cho ông Nguyễn Văn M là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện B kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên nội dung Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2018 và Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, có ông Đoàn Thái T- Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B trình bày quan điểm như sau:

Ông T thống nhất với văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện. Mặc dù tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 do Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành có nội dung là: Cây trồng của ông Nguyễn Văn M đa số là cây keo lai, có xen kẽ một ít cây keo lá tràm và keo tai tượng. Tuy nhiên, lượng cây keo lá tràm tràm chỉ là số nhỏ, đa số là cây keo lai và keo tai tượng nên Ủy ban nhân dân huyện B đã bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông M theo đúng quy định của pháp luật, yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng Luật Tố tụng hành chính khi tiến hành giải quyết vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu với quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu và hủy toàn bộ Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B; buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần cây trồng, hoa màu cho ông Nguyễn Văn M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:* ông Nguyễn Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

1. Hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu và hủy toàn bộ Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B; buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần cây trồng, hoa màu cho ông Nguyễn Văn M theo quy định của pháp luật.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B kiểm kê lại hiện trạng cây trồng tại đất bị thu hồi của ông Nguyễn Văn M trước khi bồi thường.

3. Ông M yêu cầu được thu hoạch toàn bộ cây trồng trên đất trước khi bàn giao mặt bằng.

Do đó, đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính: Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu và Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, đồng thời do hai quyết định này không quy định cụ thể ai được quyền thu hoạch cây trồng trên đất nên ông M yêu cầu được thu hoạch toàn bộ cây trồng trên đất trước khi bàn giao mặt bằng. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện B. Căn cứ vào

Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính thì khiếu kiện nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 23/10/2019, người khởi kiện nộp đơn khởi kiện kể từ khi nhận được Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 là khởi kiện trong hạn luật định căn cứ theo Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 là quyết định hành chính có liên quan căn cứ theo Điều 6 Luật tổ tụng hành chính. Các đương sự xin xét xử vắng mặt phù hợp với Điều 157, 158 Luật Tổ tụng hành chính.

Yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông M yêu cầu hủy Thông báo số 18/TB-BCĐBT ngày 24/02/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố là yêu cầu bổ sung sau khi Tòa án đã ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nên yêu cầu này vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Hơn nữa, ông M đã rút lại yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án không xem xét theo Điều 173 Luật tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, ông M có thay đổi yêu cầu khởi kiện so với trước khi mở phiên tòa là: Hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và hủy toàn bộ Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 về cây trồng, hoa màu của Ủy ban nhân dân huyện B; buộc Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường phần cây trồng, hoa màu cho ông Nguyễn Văn M theo quy định của pháp luật. Việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp với Điều 173 Luật tổ tụng hành chính nên chấp nhận.

Các yêu cầu khác của ông M vẫn giữ nguyên.

[3] Về yêu cầu của người khởi kiện:

Xét về hình thức, thẩm quyền ban hành các Quyết định:

Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu và Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B là phù hợp quy định pháp luật căn cứ theo Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời phù hợp với Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018:

Tại điểm c Điều 27 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có quy định:

c) Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

Tại Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường như sau: *“Khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật”*.

Dự án trồng rừng phòng hộ áp 3, xã L, huyện B đã có quyết định thu hồi đất vào năm 2010 theo Quyết định số 2331/QĐ-UBND ngày 25/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng của ông Nguyễn Văn M do Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 05/8/2013.

Tuy nhiên, việc bồi thường sau đó không được triển khai ngay theo đúng nguyên tắc bồi thường. Năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện B mới duyệt Phương án bồi thường và năm 2018 mới tiến hành bồi thường cho ông M.

Việc bồi thường cho ông M là chậm trễ nhưng không tính cho ông M được hưởng phần hỗ trợ thiệt hại do sự chậm trễ là không thỏa đáng.

Cây trồng là loại tài sản tăng trưởng hay hao hụt qua thời gian. Thời gian 05 từ năm 2013 đến năm 2018, ông M phải tốn thêm theo chi phí chăm sóc, bảo vệ cây trồng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện B không tiến hành kiểm kê lại hiện trạng cây trồng mà căn cứ vào biên bản kiểm kê năm 2013 để bồi thường vào năm 2018 là vi phạm nguyên tắc bồi thường. Vì vậy, trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 là không đúng quy định pháp luật.

Xét về nội dung:

Tại điểm c Điều 27 Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có quy định:

c) Đối với cây lâu năm, mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, Công văn số 1459/SNN-KL ngày 05/6/2018 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn dẫn chiếu áp dụng Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn để tính các loại cây keo $\varnothing < 5\text{cm}$ có đơn giá là 17.000 đồng (chính xác là 17.777 đồng) làm thiệt hại quyền lợi của ông M. Bởi vì mức bồi thường này *không phải là mức giá hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất*.

Ngoài ra, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/9/2020 do Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành có nội dung: Cây trồng của ông Nguyễn Văn M đa số là cây keo lai, có xen kẽ một ít cây keo lá tràm và keo tai tượng.

Công văn số 11996/SNN-CCKL ngày 25/8/2020 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì Tràm bông vàng là một loại trong ba loại của tên gọi chung ‘Keo các loại’, gồm có Keo lá tràm, Keo tai tượng và Keo lai. Tràm bông vàng (Keo lá tràm) tương ứng với Mục 3 (Tràm bông) Phần VII Cây Lâm nghiệp tại

Biểu giá cây trồng, hoa màu trên địa bàn Thành phố ban hành theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 09/01/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì lẽ đó, Biên bản kiểm kê lập ngày 05/8/2013 của Ban Bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện B đã xác định toàn bộ là cây keo là chưa chính xác, dẫn đến việc bồi thường cho ông M không thỏa đáng.

Do đó, phần nội dung về cây trồng, hoa màu tại Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 là chưa chính xác cần phải hủy.

Đối với yêu cầu của ông M về việc xin thu hoạch cây trồng:

Quyết định số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 và Quyết định số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B không đề cập đến vấn đề ai có quyền thu hoạch cây trồng trên đất bị thu hồi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Cần kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện B xem xét, quyết định vấn đề này khi ban hành quyết định bồi thường.

Từ những phân tích nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Đối với lý lẽ của luật sư Bùi Trường Chinh có một phần phù hợp với những phân tích nêu trên cần chấp nhận một phần.

Đối với lý lẽ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện là chưa phù hợp với quy định pháp luật về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư, nên không chấp nhận.

Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật, cần chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, Điều 173, khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

Hủy một phần Quyết định bồi thường, hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất và cây trồng số 5141/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 về cây trồng, hoa màu của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy toàn bộ Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung về cây trồng số 6413/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường phần cây trồng, hoa màu cho ông Nguyễn Văn M theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nộp tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Xuân